

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN NHÀ BÈ
THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM
LỚP: 9A3
GVCN: Lê Hồng Linh

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2018-2019

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
1	Lê Đỗ Hoài An	HK1	7.3 ₁₇	9.3 ₆	7.8 ₁₈	8.5 ₁₃	9.0 ₁₆	7.0 ₃₃	8.9 ₃	8.9 ₁₃	8.9 ₄	8.7 ₁₇	9.4 ₅		Đ	8.5 ₁₃	1 0	G	T	13	GIOI	
		HK2	8.2 ₁₂	9.1 ₅	8.7 ₁₀	8.9 ₁₃	9.7 ₇	9.7 ₇	8.5 ₁₆	9.4 ₈	8.2 ₇	9.4 ₆	8.8 ₈	Đ	Đ	9.0 ₈	1 0	G	T	8	GIOI	
		CN	7.9 ₁₃	9.2 ₅	8.4 ₁₂	8.8 ₁₄	9.5 ₁₀	8.8 ₁₂	8.6 ₁₁	9.2 ₁₀	8.4 ₆	9.2 ₉	9.0 ₅	Đ	Đ	8.8 ₈	2 0	G	T	8	GIOI	L
2	Dương Tú Anh	HK1	9.0 ₁	9.5 ₁	9.9 ₁	9.9 ₁	9.9 ₁	8.1 ₁₁	9.5 ₁	9.9 ₁	9.7 ₁	9.8 ₁	9.5 ₃		Đ	9.5 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	
		HK2	9.2 ₁	9.3 ₄	9.6 ₂	9.9 ₁	9.9 ₁	10 ₁	9.5 ₁	10 ₁	9.5 ₁	9.6 ₂	9.8 ₁	Đ	Đ	9.7 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	
		CN	9.1 ₁	9.4 ₂	9.7 ₂	9.9 ₁	9.9 ₁	9.4 ₁	9.5 ₁	10 ₁	9.6 ₁	9.7 ₁	9.7 ₁	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	L
3	Nguyễn Đức Anh	HK1	8.4 ₄	9.5 ₁	9.2 ₅	9.5 ₆	9.9 ₁	8.3 ₂	8.6 ₇	9.5 ₅	9.2 ₃	8.6 ₁₈	8.9 ₉		Đ	9.1 ₄	0 0	G	T	4	GIOI	
		HK2	8.7 ₅	9.4 ₂	8.9 ₈	9.2 ₈	9.9 ₁	10 ₁	8.6 ₁₃	10 ₁	8.4 ₅	9.5 ₅	9.0 ₅	Đ	Đ	9.2 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	
		CN	8.6 ₃	9.4 ₂	9.0 ₆	9.3 ₇	9.9 ₁	9.4 ₁	8.6 ₁₁	9.8 ₃	8.7 ₄	9.2 ₉	9.0 ₅	Đ	Đ	9.2 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	L
4	Nguyễn Trần Thanh Bình	HK1	6.9 ₂₃	9.4 ₃	7.8 ₁₈	9.6 ₄	9.6 ₉	7.9 ₁₉	8.4 ₁₁	9.4 ₇	7.8 ₁₁	9.3 ₇	8.6 ₁₃		Đ	8.6 ₁₀	1 0	G	T	10	GIOI	
		HK2	7.4 ₂₂	9.1 ₅	8.0 ₁₄	9.9 ₁	9.4 ₁₄	9.2 ₁₄	8.4 ₁₉	9.1 ₁₂	6.5 ₂₁	9.6 ₂	8.6 ₁₁	Đ	Đ	8.7 ₁₃	0 0	G	T	13	GIOI	
		CN	7.2 ₂₄	9.2 ₅	7.9 ₁₆	9.8 ₂	9.5 ₁₀	8.8 ₁₂	8.4 ₁₅	9.2 ₁₀	6.9 ₁₆	9.5 ₂	8.6 ₁₂	Đ	Đ	8.6 ₁₃	1 0	G	T	13	GIOI	L
5	Trịnh Ngọc Kiều Duyên	HK1	7.4 ₁₅	6.6 ₃₁	6.5 ₂₈	7.6 ₂₁	9.3 ₁₃	6.9 ₃₄	8.0 ₁₉	8.7 ₁₅	7.4 ₁₉	7.8 ₃₀	8.1 ₁₈		Đ	7.7 ₁₉	0 0	K	T	18	TT	
		HK2	7.3 ₂₅	7.5 ₂₈	6.8 ₃₂	6.5 ₂₉	9.2 ₂₂	7.4 ₃₆	7.1 ₂₉	8.6 ₁₈	6.4 ₂₃	8.3 ₃₀	7.6 ₂₃	Đ	Đ	7.5 ₂₉	1 0	K	T	29	TT	
		CN	7.3 ₂₁	7.2 ₃₀	6.7 ₃₀	6.9 ₂₆	9.2 ₁₇	7.2 ₃₆	7.4 ₂₇	8.6 ₁₇	6.7 ₁₉	8.1 ₃₂	7.8 ₁₈	Đ	Đ	7.6 ₂₄	1 0	K	T	24	TT	L
6	Từ Ngọc Mỹ Duyên	HK1	8.3 ₅	9.3 ₆	9.8 ₃	9.9 ₁	9.8 ₄	8.2 ₆	9.1 ₂	9.5 ₅	8.3 ₇	9.5 ₃	9.4 ₅		Đ	9.2 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	
		HK2	8.6 ₆	9.1 ₅	9.8 ₁	9.1 ₉	9.6 ₁₃	9.8 ₄	9.1 ₂	9.7 ₇	8.6 ₃	9.2 ₁₁	9.7 ₂	Đ	Đ	9.3 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		CN	8.5 ₅	9.2 ₅	9.8 ₁	9.4 ₆	9.7 ₅	9.3 ₄	9.1 ₂	9.6 ₅	8.5 ₅	9.3 ₆	9.6 ₂	Đ	Đ	9.3 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	L
7	Ngô Hoàng Hải Dương	HK1	7.3 ₁₇	9.2 ₁₀	9.2 ₅	9.5 ₆	9.8 ₄	8.1 ₁₁	8.7 ₆	9.2 ₁₀	8.9 ₄	9.5 ₃	9.2 ₈		Đ	9.0 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	
		HK2	8.8 ₃	9.0 ₈	9.4 ₄	8.8 ₁₄	9.7 ₇	9.6 ₁₀	8.9 ₆	8.8 ₁₅	8.8 ₂	9.4 ₆	8.9 ₆	Đ	Đ	9.1 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	
		CN	8.3 ₈	9.1 ₈	9.3 ₄	9.0 ₁₃	9.7 ₅	9.1 ₈	8.8 ₃	8.9 ₁₄	8.8 ₂	9.4 ₃	9.0 ₅	Đ	Đ	9.0 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	L
8	Lê Minh Đạt	HK1	7.2 ₂₁	9.3 ₆	8.3 ₁₄	9.2 ₁₁	9.4 ₁₂	8.2 ₆	8.1 ₁₈	8.6 ₁₇	7.6 ₁₄	8.2 ₂₆	8.1 ₁₈		Đ	8.4 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.4 ₉	9.0 ₈	9.2 ₅	9.4 ₇	9.9 ₁	8.6 ₂₆	9.1 ₂	8.9 ₁₃	8.3 ₆	9.6 ₂	7.6 ₂₃	Đ	Đ	8.9 ₉	0 0	G	T	9	GIOI	
		CN	8.0 ₁₁	9.1 ₈	8.9 ₇	9.3 ₇	9.7 ₅	8.5 ₂₀	8.8 ₃	8.8 ₁₅	8.1 ₉	9.1 ₁₁	7.8 ₁₈	Đ	Đ	8.7 ₁₂	0 0	G	T	12	GIOI	L
9	Huỳnh Hải Hào	HK1	6.8 ₂₅	7.8 ₂₃	8.7 ₁₂	8.2 ₁₆	8.9 ₁₈	8.3 ₂	7.8 ₂₃	9.3 ₉	7.2 ₂₁	8.5 ₂₃	8.3 ₁₆		Đ	8.2 ₁₅	0 0	K	T	15	TT	
		HK2	8.1 ₁₄	8.6 ₁₆	7.8 ₁₇	8.2 ₁₇	9.3 ₁₇	9.4 ₁₂	8.7 ₉	8.9 ₁₃	7.4 ₁₄	9.7 ₁	8.3 ₁₃	Đ	Đ	8.6 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		CN	7.7 ₁₆	8.3 ₁₉	8.1 ₁₄	8.2 ₁₇	9.2 ₁₇	9.0 ₁₀	8.4 ₁₅	9.0 ₁₃	7.3 ₁₄	9.3 ₆	8.3 ₁₅	Đ	Đ	8.4 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	L
10	Huỳnh Ngọc Hân	HK1	7.9 ₇	9.1 ₁₂	8.8 ₁₀	9.5 ₆	9.8 ₄	7.6 ₂₆	8.8 ₅	8.6 ₁₇	7.7 ₁₂	8.6 ₁₈	7.9 ₂₁		Đ	8.6 ₁₀	0 0	G	T	10	GIOI	
		HK2	8.2 ₁₂	8.7 ₁₃	8.2 ₁₃	9.1 ₉	9.1 ₂₆	8.8 ₂₂	8.5 ₁₆	8.4 ₂₂	6.5 ₂₁	8.8 ₁₇	7.4 ₂₆	Đ	Đ	8.3 ₁₅	2 0	G	T	15	GIOI	
		CN	8.1 ₁₀	8.8 ₁₄	8.4 ₁₂	9.2 ₁₀	9.3 ₁₅	8.4 ₂₂	8.6 ₁₁	8.5 ₁₉	6.9 ₁₆	8.7 ₁₈	7.6 ₂₅	Đ	Đ	8.4 ₁₄	2 0	G	T	14	GIOI	L
11	Phạm Nguyễn Hải	HK1	6.9 ₂₃	6.4 ₃₂	4.9 ₃₆	7.7 ₂₀	5.3 ₃₈	7.4 ₂₉	6.0 ₃₇	7.2 ₃₆	5.3 ₃₅	6.5 ₃₈	5.1 ₃₈		Đ	6.2 ₃₇	0 0	Tb	T	36		
		HK2	6.4 ₃₄	6.9 ₃₅	6.0 ₃₆	6.8 ₂₅	7.5 ₃₇	7.3 ₃₇	7.3 ₂₈	6.8 ₃₇	5.0 ₃₅	6.8 ₃₇	5.2 ₃₇	Đ	Đ	6.5 ₃₇	1 0	K	T	33	TT	
		CN	6.6 ₃₂	6.7 ₃₅	5.6 ₃₇	7.1 ₂₃	6.8 ₃₇	7.3 ₃₅	6.9 ₃₄	6.9 ₃₆	5.1 ₃₄	6.7 ₃₇	5.2 ₃₇	Đ	Đ	6.4 ₃₇	1 0	Tb	T	37		L
12	Nguyễn Thái Học	HK1	7.3 ₁₇	9.2 ₁₀	8.8 ₁₀	6.3 ₃₀	7.6 ₃₃	7.7 ₂₄	8.2 ₁₆	8.5 ₂₂	4.7 ₃₈	7.4 ₃₆	8.8 ₁₂		Đ	7.7 ₁₉	7 0	Tb	T	31		
		HK2	6.6 ₃₃	8.7 ₁₃	7.8 ₁₇	6.2 ₃₂	9.2 ₂₂	9.2 ₁₄	8.9 ₆	8.1 ₂₈	5.9 ₃₀	8.4 ₂₈	9.5 ₃	Đ	Đ	8.0 ₁₉	1 0	K	T	19	TT	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD&CD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hành kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
12	Nguyễn Thái Học	CN	6.8 ²⁸	8.9 ¹¹	8.1 ¹⁴	6.2 ³¹	8.7 ²⁶	8.7 ¹⁴	8.7 ⁷	8.2 ²⁷	5.5 ³²	8.1 ³²	9.3 ⁴	Đ	Đ	7.9 ¹⁹	8 ⁰	K	T	19	TT	L
13	Huỳnh Đức Huy	HK1	7.4 ¹⁵	7.3 ²⁷	5.2 ³⁴	5.9 ³³	7.8 ²⁹	7.5 ²⁸	8.0 ¹⁹	7.8 ³²	6.6 ²⁴	8.4 ²⁴	7.2 ²⁸		Đ	7.2 ²⁹	2 ⁰	K	T	26	TT	
		HK2	7.2 ²⁶	7.2 ³²	8.0 ¹⁴	5.7 ³⁶	9.2 ²²	8.0 ³¹	8.4 ¹⁹	7.9 ³⁴	4.4 ³⁸	8.6 ²³	7.9 ¹⁹	Đ	Đ	7.5 ²⁹	2 ⁰	Tb	T	36		
		CN	7.3 ²¹	7.2 ³⁰	7.1 ²⁴	5.8 ³⁴	8.7 ²⁶	7.8 ³³	8.3 ¹⁸	7.9 ³²	5.1 ³⁴	8.5 ²⁴	7.7 ²³	Đ	Đ	7.4 ²⁸	4 ⁰	K	T	28	TT	L
14	Nguyễn Gia Huy	HK1	7.1 ²²	8.4 ¹⁶	7.3 ²⁰	7.9 ¹⁸	8.0 ²⁸	7.8 ²³	5.5 ³⁸	7.9 ²⁸	5.8 ³¹	7.6 ³³	7.2 ²⁸		Đ	7.3 ²⁷	3 ⁰	K	T	25	TT	
		HK2	7.7 ¹⁷	8.4 ²⁰	6.9 ³¹	8.1 ¹⁸	7.6 ³⁶	8.3 ²⁸	7.1 ²⁹	8.5 ²⁰	5.3 ³³	8.1 ³³	6.8 ³¹	Đ	Đ	7.5 ²⁹	4 ⁰	K	T	29	TT	
		CN	7.5 ¹⁹	8.4 ¹⁷	7.0 ²⁶	8.0 ¹⁸	7.7 ³⁵	8.1 ²⁷	6.6 ³⁷	8.3 ²¹	5.5 ³²	7.9 ³⁵	6.9 ²⁹	Đ	Đ	7.4 ²⁸	7 ⁰	K	T	28	TT	L
15	Trần Ngọc Trâm Hương	HK1	8.5 ³	9.1 ¹²	9.6 ⁴	9.6 ⁴	9.6 ⁹	7.9 ¹⁹	8.6 ⁷	9.4 ⁷	8.4 ⁶	9.7 ²	9.5 ³		Đ	9.1 ⁴	2 ⁰	G	T	4	GIOI	
		HK2	8.4 ⁹	9.4 ²	9.1 ⁷	9.8 ³	9.8 ⁵	9.7 ⁷	8.7 ⁹	9.9 ⁴	8.2 ⁷	9.3 ⁹	8.8 ⁸	Đ	Đ	9.2 ³	0 ⁰	G	T	3	GIOI	
		CN	8.4 ⁶	9.3 ⁴	9.3 ⁴	9.7 ³	9.7 ⁵	9.1 ⁸	8.7 ⁷	9.7 ⁴	8.3 ⁷	9.4 ³	9.0 ⁵	Đ	Đ	9.1 ⁵	2 ⁰	G	T	5	GIOI	L
16	Nguyễn Tuấn Khoa	HK1	5.8 ³⁷	8.1 ²¹	8.6 ¹³	8.4 ¹⁵	8.9 ¹⁸	6.9 ³⁴	6.7 ³⁵	7.3 ³⁵	6.8 ²³	9.0 ¹³	7.7 ²²		Đ	7.7 ¹⁹	0 ⁰	K	T	18	TT	
		HK2	7.5 ²⁰	8.5 ¹⁸	7.4 ²⁴	9.8 ³	9.3 ¹⁷	9.1 ¹⁶	8.6 ¹³	8.8 ¹⁵	5.0 ³⁵	9.1 ¹²	7.9 ¹⁹	Đ	Đ	8.3 ¹⁵	0 ⁰	K	T	16	TT	
		CN	6.9 ²⁷	8.4 ¹⁷	7.8 ¹⁸	9.3 ⁷	9.2 ¹⁷	8.4 ²²	8.0 ²¹	8.3 ²¹	5.6 ³¹	9.1 ¹¹	7.8 ¹⁸	Đ	Đ	8.1 ¹⁷	0 ⁰	K	T	17	TT	L
17	Nguyễn Quách Tú Linh	HK1	8.0 ⁶	9.4 ³	9.0 ⁸	9.8 ³	9.6 ⁹	8.1 ¹¹	7.4 ²⁸	9.6 ³	7.5 ¹⁶	9.4 ⁵	9.6 ²		Đ	8.9 ⁷	2 ⁰	G	T	7	GIOI	
		HK2	8.9 ²	9.5 ¹	8.6 ¹¹	9.5 ⁶	9.7 ⁷	9.8 ⁴	9.1 ²	10 ¹	8.1 ¹⁰	9.0 ¹³	8.2 ¹⁵	Đ	Đ	9.1 ⁶	2 ⁰	G	T	6	GIOI	
		CN	8.6 ³	9.5 ¹	8.7 ¹⁰	9.6 ⁴	9.7 ⁵	9.2 ⁵	8.5 ¹⁴	9.9 ²	7.9 ¹⁰	9.1 ¹¹	8.7 ¹¹	Đ	Đ	9.0 ⁶	4 ⁰	G	T	6	GIOI	L
18	Nguyễn Hoàng Long	HK1	6.1 ³³	6.7 ³⁰	6.3 ³⁰	7.4 ²⁴	9.0 ¹⁶	6.9 ³⁴	8.3 ¹³	8.6 ¹⁷	6.0 ²⁹	8.8 ¹⁶	7.1 ³⁰		Đ	7.4 ²⁶	0 ⁰	K	T	24	TT	
		HK2	6.3 ³⁵	7.0 ³⁴	7.2 ²⁸	6.1 ³⁴	9.3 ¹⁷	9.1 ¹⁶	8.5 ¹⁶	8.1 ²⁸	4.6 ³⁷	8.7 ²¹	8.1 ¹⁷	Đ	Đ	7.5 ²⁹	0 ⁰	Tb	T	36		
		CN	6.2 ³⁶	6.9 ³²	6.9 ²⁸	6.5 ²⁸	9.2 ¹⁷	8.4 ²²	8.4 ¹⁵	8.3 ²¹	5.1 ³⁴	8.7 ¹⁸	7.8 ¹⁸	Đ	Đ	7.5 ²⁷	0 ⁰	K	T	27	TT	L
19	Nguyễn Hoàng Lộc	HK1	6.6 ²⁷	6.1 ³³	4.8 ³⁷	6.0 ³²	8.2 ²⁶	6.5 ³⁸	7.0 ³²	8.0 ²⁷	6.1 ²⁸	8.6 ¹⁸	7.5 ²⁴		Đ	6.9 ³²	0 ⁰	Tb	T	33		
		HK2	7.4 ²²	6.6 ³⁷	7.3 ²⁶	6.3 ³¹	8.2 ³³	8.9 ²⁰	8.7 ⁹	8.2 ²⁶	6.1 ²⁶	8.4 ²⁸	7.5 ²⁵	Đ	Đ	7.6 ²⁶	2 ⁰	K	T	26	TT	
		CN	7.1 ²⁵	6.4 ³⁷	6.5 ³³	6.2 ³¹	8.2 ³²	8.1 ²⁷	8.1 ²⁰	8.1 ²⁸	6.1 ²⁶	8.5 ²⁴	7.5 ²⁶	Đ	Đ	7.3 ³³	2 ⁰	K	T	33	TT	L
20	Trần Thị Thảo My	HK1	7.5 ¹²	7.1 ²⁹	6.9 ²³	8.1 ¹⁷	9.1 ¹⁵	8.1 ¹¹	8.0 ¹⁹	9.6 ³	8.3 ⁷	9.3 ⁷	8.4 ¹⁵		Đ	8.2 ¹⁵	1 ⁰	K	T	15	TT	
		HK2	8.3 ¹¹	8.2 ²⁴	7.8 ¹⁷	7.8 ¹⁹	9.3 ¹⁷	8.3 ²⁸	8.4 ¹⁹	9.4 ⁸	7.5 ¹³	9.3 ⁹	6.1 ³⁵	Đ	Đ	8.2 ¹⁷	2 ⁰	K	T	17	TT	
		CN	8.0 ¹¹	7.8 ²⁵	7.5 ²⁰	7.9 ¹⁹	9.2 ¹⁷	8.2 ²⁶	8.3 ¹⁸	9.5 ⁷	7.8 ¹¹	9.3 ⁶	6.9 ²⁹	Đ	Đ	8.2 ¹⁶	3 ⁰	G	T	16	GIOI	L
21	Trương Nhật Nam	HK1	6.0 ³⁵	8.2 ¹⁹	6.2 ³¹	6.4 ²⁹	8.2 ²⁶	7.7 ²⁴	7.8 ²³	8.3 ²³	6.0 ²⁹	8.3 ²⁵	6.2 ³⁵		Đ	7.2 ²⁹	1 ⁰	K	T	26	TT	
		HK2	7.1 ²⁹	7.5 ²⁸	7.0 ³⁰	6.2 ³²	7.9 ³⁵	8.7 ²⁴	6.6 ³⁵	8.3 ²⁴	6.7 ¹⁸	8.6 ²³	7.3 ²⁷	Đ	Đ	7.4 ³³	2 ⁰	K	T	31	TT	
		CN	6.7 ³⁰	7.7 ²⁶	6.7 ³⁰	6.3 ³⁰	8.0 ³⁴	8.4 ²²	7.0 ³¹	8.3 ²¹	6.5 ²²	8.5 ²⁴	6.9 ²⁹	Đ	Đ	7.4 ²⁸	3 ⁰	K	T	28	TT	L
22	Nguyễn Hoàng Nghĩa	HK1	7.3 ¹⁷	8.4 ¹⁶	7.3 ²⁰	7.9 ¹⁸	8.8 ²¹	8.3 ²	7.6 ²⁵	8.2 ²⁴	6.4 ²⁵	8.9 ¹⁴	7.3 ²⁶		Đ	7.9 ¹⁷	3 ⁰	K	K	28	TT	
		HK2	8.0 ¹⁵	8.8 ¹²	7.6 ²²	8.7 ¹⁵	9.2 ²²	8.6 ²⁶	8.2 ²²	8.4 ²²	6.0 ²⁹	8.1 ³³	7.3 ²⁷	Đ	Đ	8.1 ¹⁸	1 ⁰	K	T	18	TT	
		CN	7.8 ¹⁴	8.7 ¹⁵	7.5 ²⁰	8.4 ¹⁶	9.1 ²³	8.5 ²⁰	8.0 ²¹	8.3 ²¹	6.1 ²⁶	8.4 ²⁷	7.3 ²⁷	Đ	Đ	8.0 ¹⁸	4 ⁰	K	T	18	TT	L
23	Nguyễn Trọng Nghĩa	HK1	5.6 ³⁸	6.1 ³³	5.2 ³⁴	4.9 ³⁶	7.8 ²⁹	8.0 ¹⁵	6.9 ³³	7.9 ²⁸	5.6 ³³	7.9 ²⁸	8.6 ¹³		Đ	6.8 ³⁵	0 ⁰	Tb	T	35		
		HK2	7.1 ²⁹	8.3 ²³	6.3 ³⁵	6.5 ²⁹	8.6 ³⁰	8.9 ²⁰	7.6 ²⁴	8.5 ²⁰	6.1 ²⁶	9.0 ¹³	8.1 ¹⁷	Đ	Đ	7.7 ²³	0 ⁰	K	T	23	TT	
		CN	6.6 ³²	7.6 ²⁷	5.9 ³⁶	6.0 ³³	8.3 ³¹	8.6 ¹⁹	7.4 ²⁷	8.3 ²¹	5.9 ³⁰	8.6 ²³	8.3 ¹⁵	Đ	Đ	7.4 ²⁸	0 ⁰	K	T	28	TT	L
24	Dương Bảo Ngọc	HK1	6.8 ²⁵	7.3 ²⁷	8.0 ¹⁷	5.6 ³⁴	8.8 ²¹	7.9 ¹⁹	7.6 ²⁵	8.6 ¹⁷	6.4 ²⁵	9.1 ¹²	8.2 ¹⁷		Đ	7.7 ¹⁹	1 ⁰	K	T	18	TT	
		HK2	7.5 ²⁰	7.8 ²⁶	7.8 ¹⁷	5.8 ³⁵	9.7 ⁷	8.0 ³¹	7.5 ²⁶	8.7 ¹⁷	6.7 ¹⁸	8.8 ¹⁷	6.9 ²⁹	Đ	Đ	7.7 ²³	2 ⁰	K	T	23	TT	
		CN	7.3 ²¹	7.6 ²⁷	7.9 ¹⁶	5.7 ³⁵	9.4 ¹⁴	8.0 ²⁹	7.5 ²⁵	8.7 ¹⁶	6.6 ²⁰	8.9 ¹⁶	7.3 ²⁷	Đ	Đ	7.7 ²¹	3 ⁰	K	T	21	TT	L
25	Nguyễn Võ Thảo Ngọc	HK1	7.9 ⁷	8.7 ¹⁴	8.9 ⁹	9.5 ⁶	9.8 ⁴	8.2 ⁶	8.5 ¹⁰	9.1 ¹¹	7.5 ¹⁶	9.3 ⁷	8.9 ⁹		Đ	8.8 ⁸	0 ⁰	G	T	8	GIOI	
		HK2	8.6 ⁶	7.6 ²⁷	8.5 ¹²	9.6 ⁵	9.8 ⁵	9.7 ⁷	8.9 ⁶	9.3 ¹¹	7.8 ¹²	9.4 ⁶	8.2 ¹⁵	Đ	Đ	8.9 ⁹	1 ⁰	G	T	9	GIOI	
		CN	8.4 ⁶	8.0 ²⁴	8.6 ¹¹	9.6 ⁴	9.8 ⁴	9.2 ⁵	8.8 ³	9.2 ¹⁰	7.7 ¹²	9.4 ³	8.4 ¹³	Đ	Đ	8.8 ⁸	1 ⁰	G	T	8	GIOI	L

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD&CD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
26	Võ Nguyễn Hồng Ngọc	HK1	7.7 ₉	7.6 ₂₄	7.0 ₂₂	7.6 ₂₁	8.6 ₂₅	7.6 ₂₆	7.1 ₃₀	7.6 ₃₃	7.5 ₁₆	9.2 ₁₀	6.9 ₃₂		Đ	7.7 ₁₉	1 0	K	T	18	TT	
		HK2	7.6 ₁₈	7.3 ₃₀	7.7 ₂₁	7.1 ₂₄	9.7 ₇	8.2 ₃₀	7.4 ₂₇	8.0 ₃₂	5.9 ₃₀	8.5 ₂₆	5.7 ₃₆	Đ	Đ	7.6 ₂₆	0 0	K	T	26	TT	
		CN	7.6 ₁₇	7.4 ₂₉	7.5 ₂₀	7.3 ₂₂	9.3 ₁₅	8.0 ₂₉	7.3 ₂₉	7.9 ₃₂	6.4 ₂₄	8.7 ₁₈	6.1 ₃₆	Đ	Đ	7.6 ₂₄	1 0	K	T	24	TT	L
27	Nguyễn Thành Nhân	HK1	6.1 ₃₃	7.4 ₂₆	6.6 ₂₆	6.5 ₂₈	7.3 ₃₆	8.2 ₆	8.3 ₁₃	8.8 ₁₄	4.8 ₃₇	7.8 ₃₀	7.3 ₂₆		Đ	7.2 ₂₉	2 0	Tb	T	32		
		HK2	7.2 ₂₆	8.4 ₂₀	7.9 ₁₆	7.3 ₂₂	8.6 ₃₀	9.3 ₁₃	6.8 ₃₄	8.3 ₂₄	5.1 ₃₄	8.1 ₃₃	8.3 ₁₃	Đ	Đ	7.8 ₂₀	3 0	K	T	20	TT	
		CN	6.8 ₂₈	8.1 ₂₂	7.5 ₂₀	7.0 ₂₅	8.2 ₃₂	8.9 ₁₁	7.3 ₂₉	8.5 ₁₉	5.0 ₃₇	8.0 ₃₄	8.0 ₁₇	Đ	Đ	7.6 ₂₄	5 0	K	T	24	TT	L
28	Nguyễn Bảo Nhi	HK1	7.6 ₁₀	9.4 ₃	9.1 ₇	8.5 ₁₃	9.8 ₄	8.2 ₆	8.4 ₁₁	8.2 ₂₄	8.1 ₁₀	8.6 ₁₈	9.3 ₇		Đ	8.7 ₉	1 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	8.6 ₆	8.7 ₁₃	8.8 ₉	8.6 ₁₆	9.4 ₁₄	9.0 ₁₈	9.0 ₅	9.8 ₅	8.2 ₇	8.8 ₁₇	8.8 ₈	Đ	Đ	8.9 ₉	0 0	G	T	9	GIOI	
		CN	8.3 ₈	8.9 ₁₁	8.9 ₇	8.6 ₁₅	9.5 ₁₀	8.7 ₁₄	8.8 ₃	9.3 ₉	8.2 ₈	8.7 ₁₈	9.0 ₅	Đ	Đ	8.8 ₈	1 0	G	T	8	GIOI	L
29	Nguyễn Thị Mỹ Oanh	HK1	6.2 ₃₂	5.8 ₃₆	6.4 ₂₉	4.8 ₃₈	7.8 ₂₉	7.2 ₃₁	8.2 ₁₆	8.7 ₁₅	5.6 ₃₃	7.7 ₃₂	7.1 ₃₀		Đ	6.9 ₃₂	2 0	Tb	T	33		
		HK2	6.8 ₃₂	6.9 ₃₅	7.3 ₂₆	5.3 ₃₇	9.3 ₁₇	9.5 ₁₁	6.1 ₃₈	8.6 ₁₈	6.3 ₂₅	8.6 ₂₃	6.8 ₃₁	Đ	Đ	7.4 ₃₃	0 0	K	T	31	TT	
		CN	6.6 ₃₂	6.5 ₃₆	7.0 ₂₆	5.1 ₃₇	8.8 ₂₄	8.7 ₁₄	6.8 ₃₅	8.6 ₁₇	6.1 ₂₆	8.3 ₂₈	6.9 ₂₉	Đ	Đ	7.2 ₃₅	2 0	K	T	34	TT	L
30	Nguyễn Trần Tấn Phát	HK1	6.5 ₂₉	8.1 ₂₁	6.8 ₂₄	7.3 ₂₅	7.8 ₂₉	7.2 ₃₁	7.6 ₂₅	7.9 ₂₈	7.4 ₁₉	7.6 ₃₃	6.4 ₃₄		Đ	7.3 ₂₇	1 0	K	K	29	TT	
		HK2	6.3 ₃₅	8.1 ₂₅	5.9 ₃₇	7.6 ₂₀	9.1 ₂₆	7.8 ₃₅	6.4 ₃₆	6.4 ₃₈	7.3 ₁₅	8.5 ₂₆	6.9 ₂₉	Đ	Đ	7.3 ₃₅	13 0	K	K	34	TT	
		CN	6.4 ₃₅	8.1 ₂₂	6.2 ₃₅	7.5 ₂₁	8.7 ₂₆	7.6 ₃₄	6.8 ₃₅	6.9 ₃₆	7.3 ₁₄	8.2 ₂₉	6.7 ₃₃	Đ	Đ	7.3 ₃₃	14 0	K	K	35	TT	L
31	Võ Thị Anh Thư	HK1																				
		HK2																				
		CN																				
32	Nguyễn Ngô Bảo Trâm	HK1	6.4 ₃₀	6.1 ₃₃	5.4 ₃₃	4.9 ₃₆	6.8 ₃₇	8.0 ₁₅	7.1 ₃₀	8.1 ₂₆	7.6 ₁₄	7.4 ₃₆	6.5 ₃₃		Đ	6.8 ₃₅	1 0	Tb	K	37		
		HK2	6.9 ₃₁	7.1 ₃₃	6.7 ₃₄	5.3 ₃₇	8.2 ₃₃	8.0 ₃₁	6.9 ₃₂	8.0 ₃₂	5.4 ₃₂	7.8 ₃₆	6.7 ₃₃	Đ	Đ	7.0 ₃₆	1 0	K	K	35	TT	
		CN	6.7 ₃₀	6.8 ₃₃	6.3 ₃₄	5.2 ₃₆	7.7 ₃₅	8.0 ₂₉	7.0 ₃₁	8.0 ₃₁	6.1 ₂₆	7.7 ₃₆	6.6 ₃₄	Đ	Đ	6.9 ₃₆	2 0	K	K	36	TT	L
33	Trần Hữu Minh Trí	HK1	6.6 ₂₇	8.2 ₁₉	6.8 ₂₄	7.0 ₂₆	8.9 ₁₈	8.0 ₁₅	8.0 ₁₉	7.9 ₂₈	7.7 ₁₂	9.4 ₅	7.6 ₂₃		Đ	7.8 ₁₈	0 0	K	T	17	TT	
		HK2	7.2 ₂₆	8.4 ₂₀	6.8 ₃₂	6.6 ₂₇	8.8 ₂₉	9.0 ₁₈	7.6 ₂₄	8.2 ₂₆	6.4 ₂₃	8.9 ₁₆	7.9 ₁₉	Đ	Đ	7.8 ₂₀	0 0	K	T	20	TT	
		CN	7.0 ₂₆	8.3 ₁₉	6.8 ₂₉	6.7 ₂₇	8.8 ₂₄	8.7 ₁₄	7.7 ₂₄	8.1 ₂₈	6.8 ₁₈	9.1 ₁₁	7.8 ₁₈	Đ	Đ	7.8 ₂₀	0 0	K	T	20	TT	L
34	Đỗ Minh Tú	HK1	5.9 ₃₆	8.3 ₁₈	8.2 ₁₅	6.8 ₂₇	8.7 ₂₄	7.9 ₁₉	7.2 ₂₉	7.1 ₃₇	7.2 ₂₁	8.9 ₁₄	8.1 ₁₈		Đ	7.7 ₁₉	0 0	K	T	18	TT	
		HK2	6.3 ₃₅	8.6 ₁₆	7.6 ₂₂	7.3 ₂₂	8.5 ₃₂	7.9 ₃₄	6.9 ₃₂	8.1 ₂₈	6.1 ₂₆	8.8 ₁₇	8.6 ₁₁	Đ	Đ	7.7 ₂₃	0 0	K	T	23	TT	
		CN	6.2 ₃₆	8.5 ₁₆	7.8 ₁₈	7.1 ₂₃	8.6 ₂₉	7.9 ₃₂	7.0 ₃₁	7.8 ₃₅	6.5 ₂₂	8.8 ₁₇	8.4 ₁₃	Đ	Đ	7.7 ₂₁	0 0	K	T	21	TT	L
35	Thái Tri Tùng	HK1	7.5 ₁₂	8.7 ₁₄	8.2 ₁₅	9.4 ₁₀	9.2 ₁₄	8.0 ₁₅	8.6 ₇	9.1 ₁₁	8.3 ₇	8.6 ₁₈	8.9 ₉		Đ	8.6 ₁₀	0 0	G	T	10	GIOI	
		HK2	8.0 ₁₅	9.0 ₈	9.2 ₅	9.1 ₉	9.7 ₇	9.8 ₄	8.7 ₉	9.8 ₅	7.0 ₁₆	8.7 ₂₁	8.9 ₆	Đ	Đ	8.9 ₉	0 0	G	T	9	GIOI	
		CN	7.8 ₁₄	8.9 ₁₁	8.9 ₇	9.2 ₁₀	9.5 ₁₀	9.2 ₅	8.7 ₇	9.6 ₅	7.4 ₁₃	8.7 ₁₈	8.9 ₁₀	Đ	Đ	8.8 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	L
36	Nguyễn Bảo Vy	HK1	8.6 ₂	9.3 ₆	9.9 ₁	9.2 ₁₁	9.9 ₁	8.3 ₂	8.9 ₃	9.7 ₂	9.3 ₂	9.2 ₁₀	9.7 ₁		Đ	9.3 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		HK2	8.8 ₃	9.0 ₈	9.6 ₂	9.0 ₁₂	9.9 ₁	10 ₁	8.6 ₁₃	9.4 ₈	8.6 ₃	9.0 ₁₃	9.4 ₄	Đ	Đ	9.2 ₃	3 0	G	T	3	GIOI	
		CN	8.7 ₂	9.1 ₈	9.7 ₂	9.1 ₁₂	9.9 ₁	9.4 ₁	8.7 ₇	9.5 ₇	8.8 ₂	9.1 ₁₁	9.5 ₃	Đ	Đ	9.2 ₃	3 0	G	T	3	GIOI	L
37	Nguyễn Trần Thanh Vy	HK1	7.5 ₁₂	5.7 ₃₇	6.6 ₂₆	7.5 ₂₃	7.6 ₃₃	6.7 ₃₇	6.9 ₃₃	7.6 ₃₃	6.2 ₂₇	7.9 ₂₈	6.2 ₃₅		Đ	6.9 ₃₂	6 0	K	K	30	TT	
		HK2	7.6 ₁₈	7.3 ₃₀	7.4 ₂₄	7.6 ₂₀	8.9 ₂₈	6.9 ₃₈	8.2 ₂₂	8.1 ₂₈	6.8 ₁₇	8.3 ₃₀	6.3 ₃₄	Đ	Đ	7.6 ₂₆	4 0	K	T	26	TT	
		CN	7.6 ₁₇	6.8 ₃₃	7.1 ₂₄	7.6 ₂₀	8.5 ₃₀	6.8 ₃₇	7.8 ₂₃	7.9 ₃₂	6.6 ₂₀	8.2 ₂₉	6.3 ₃₅	Đ	Đ	7.4 ₂₈	10 0	K	T	28	TT	L
38	Trần Nhật Vy	HK1	7.6 ₁₀	7.6 ₂₄	5.6 ₃₂	6.2 ₃₁	8.8 ₂₁	8.4 ₁	8.3 ₁₃	8.6 ₁₇	5.7 ₃₂	8.2 ₂₆	7.4 ₂₅		Đ	7.5 ₂₅	0 0	K	T	23	TT	
		HK2	7.4 ₂₂	8.5 ₁₈	7.1 ₂₉	6.7 ₂₆	9.4 ₁₄	8.8 ₂₂	7.1 ₂₉	7.9 ₃₄	6.6 ₂₀	8.2 ₃₂	7.8 ₂₂	Đ	Đ	7.8 ₂₀	1 0	K	T	20	TT	
		CN	7.5 ₁₉	8.2 ₂₁	6.6 ₃₂	6.5 ₂₈	9.2 ₁₇	8.7 ₁₄	7.5 ₂₅	8.1 ₂₈	6.3 ₂₅	8.2 ₂₉	7.7 ₂₃	Đ	Đ	7.7 ₂₁	1 0	K	T	21	TT	L

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
----	-----------	----	---------	------	--------	---------	----------	---------	--------	------	-----------	---------	-----------	---------	---------	-----	-------------	---------	-----------	----	-----------	---------

Số ngày nghỉ có phép:	87	Hạnh kiểm:	Học lực:	Danh hiệu:
Số ngày nghỉ không phép:	0	- Tốt: 35	- Giỏi: 16	- Giỏi: 16
		- Khá: 2	- Khá: 20	- Tiên tiến: 20
		- Trung bình: 0	- Trung bình: 1	
		- Yếu: 0	- Yếu: 0	
			- Kém: 0	

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)